

MÔN TOÁN LỚP 4

BÀI : TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN

Nhân một số với 10, 100, 100,....

A. HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN:



Hoạt động 1. - Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”:

+ Chia hai đội: mỗi đội 4 bạn; các bạn còn lại cùng thầy làm trọng tài.

+ 1 bạn viết mười hai chục; bạn khác viết lên bảng là một trăm hai mươi

+ 1 bạn viết hai mươi ba trăm; bạn khác viết là hai nghìn ba trăm

+ 1 bạn viết 491 nghìn, bạn khác viết là bốn trăm chín mươi một nghìn

• Giáo viên : nhận xét

• Đồng thời cho học sinh biết:  $3 \times 5 = 5 \times \dots\dots?$  Ntn? Và từ trò chơi trên chúng ta biết từ chục, trăm, nghìn ta chỉ việc thêm 1,2 3.. ta chỉ việc thêm mấy chữ số 0 vào bên nào của số đó.. cụ thể qua bài học hôm nay...

Giáo viên ghi tên bài lên bảng



Việc 1. Chủ tịch hội đồng tự quản cho các bạn đọc mục tiêu.

Mục tiêu: Em biết:

- Tính chất giao hoán của phép nhân

- Nhân một số với 10. 100. 100.....

Việc 2. Chủ tịch hội đồng tự quản chia sẽ các nhóm.

Hoạt Động 2.



Việc 1. Nhóm trưởng đọc yêu cầu : Điền tiếp vào chỗ chấm trong bảng ( theo mẫu)

<b>a</b>	<b>b</b>	<b>a x b</b>	<b>b x a</b>
3	2	$3 \times 2 = 6$	$2 \times 3 = 6$
7	9	.....	.....
6	10	.....	.....

Việc 2. Cá nhân điền vào phiếu

Việc 3. Nhóm trưởng kiểm tra – báo cáo giáo viên

Giáo viên : Ta thấy giá trị của a x b

Và giá trị của b x a :.....

Tính vchất giao  
Hoán của phép  
Nhân



**b. Đọc và giải thích cho bạn :**

Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không đổi.

$$a \times b = b \times a$$



**Hoạt động 3. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp.**

Việc 1. Cá nhân làm bài vào phiếu.

a.  $25 \times 2 = \dots$

b.  $126 \times 7 = \dots$

c.  $4 \times 481 = \dots$

Việc 2. Đổi bài nhận xét.



**Hoạt động 4. a. Đọc và giải thích cho bạn:**

Việc 1. Nhóm trưởng yêu cầu các bạn đọc và giải thích

\*  $35 \times 10 = ?$

$$35 \times 10 = 10 \times 35$$

$$= 1 \text{ chục} \times 35 = 35 \text{ chục} = 350$$

\* Nhận xét: Ta cũng có  $47 \times 10 = 470$

$$123 \times 10 = 1230$$

\* Khi nhân một số với 10 ta chỉ viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó

Việc 2. Nhóm trưởng nhận xét và báo cáo.



**b. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :**

\*  $35 \times 100 = ?$

$$35 \times 100 = \dots \times 35$$

$$= 1 \text{ trăm} \times \dots = \dots \text{ trăm} = 3500.$$

\* Ta cũng có  $47 \times 100 = \dots$

$$123 \times 100 = \dots$$

Khi nhân một số với 100 ta chỉ viết thêm ... chữ số 0 vào bên phải số đó



**c. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :**

\*  $35 \times 1000 = ?$

$35 \times 1000 = \dots \times 35$

$= \dots \times \dots = \dots$  nghìn =  $\dots$

\* Ta cũng có  $47 \times 1000 = \dots$

$123 \times 1000 = \dots$

\* Khi nhân một số với 1000 ta chỉ viết thêm ... chữ số 0 vào bên phải số đó

Khi nhân một số với 10, 100, 1000,...ta chỉ việc thêm 1,2,3,...chữ số 0 vào bên phải số đó

\* **Tò chơi : Tìm ngôi nhà của con vật.**

### I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.
- Vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để làm bài tập 1; 2 ( a ; b).
- Có ý thức học tập.

### II. ĐỒ DÙNG:

- Giáo viên :
  - + Sách giáo khoa Toán lớp 4 ;
  - + Bảng phụ kẻ bảng nội dung phần b ( phần hình thành kiến thức mới) :

a	b	a x b	b x a
4	8		
6	7		
5	4		

- + Bảng phụ bài 1; Bút dạ; Phiếu học tập.
- Học sinh: Sách giáo khoa Toán lớp 4; Vở ghi bài.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN( GV)</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH( HS)</b>
<p><b>1. Kiểm tra bài cũ( 5' ):</b></p> <p>- Ghi phép tính lên bảng lớp và nêu yêu cầu: <i>Đặt tính rồi tính.</i></p> <p style="padding-left: 40px;">a) <math>341231 \times 2</math>                      b) <math>410536 \times 3</math></p> <p>- 2 phép tính có gì giống và khác nhau?</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>- Để thực hiện tính 1 phép tính, ta thực hiện theo mấy bước, đó là những bước nào?</p> <p><b>2. Bài mới( 25' ):</b></p> <p><b>a) Giới thiệu bài( 1' ):</b> Trực tiếp</p> <p>- GV ghi bảng</p> <p><b>b) Hình thành kiến thức mới ( 15' ):</b> <i>Giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân.</i></p> <p>- Ghi bảng:</p> <p style="padding-left: 40px;">a) <i>Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức</i></p> <p style="padding-left: 80px;"><math>7 \times 5</math> và <math>5 \times 7</math></p> <p>- Các con hãy tính và so sánh giá trị của 2 biểu thức.</p> <p>- <math>7 \times 5</math> bằng bao nhiêu?</p> <p>- <math>5 \times 7</math> bằng bao nhiêu?</p> <p>- Ghi bảng:</p> <p style="padding-left: 40px;">Ta có: <math>7 \times 5 = 35</math></p> <p style="padding-left: 80px;"><math>5 \times 7 = 35</math></p>	<p>- Lớp lắng nghe.</p> <p>- 2 HS lên bảng, lớp làm vở nháp.</p> <p>- 2 HS nhận xét kết quả và nêu cách thực hiện.</p> <p>- 1 HS trả lời ( giống nhau: đều là phép nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số; khác nhau: phần a là phép nhân không nhớ; phần b là phép nhân có nhớ).</p> <p>- HS lắng nghe và 2 HS nêu tên bài.</p> <p>- HS ghi tên bài vào vở.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- 1 HS nêu <math>7 \times 5 = 35</math>.</p> <p>- 1 HS nêu <math>5 \times 7 = 35</math>.</p>